

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/03/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		19	0	
2		RC4+RP1	7:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
3		RP3+RCDM	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
4		BK9+VSP02+RC6	7:25	9+7+6	0+0+0		0+0+20	0+0+0	
5		RP2+BK3+TTC1	9:25	22+0+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
6		GTC1+CTC1+RP2	9:25	4+13+4	0+0+0		1+12+9	0+0+0	
7		CTK3+PPD+P10	9:25	8+2+12	0+0+0		5+2+15	0+0+0	
8		RP2+RP3	11:25	8+14	0+0		3+18	0+0	
9		RC3+RP1	11:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
10		RC5+BK6+TTC2	13:25	11+3+7	0+0+0		9+3+9	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: T.UNG	CREW: HCAi MMinh	ETA: 10:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUẤN	T.UNG	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	MAKSIMOV	T.UNG	89	1	8		114	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN QUANG TUYẾN	T.UNG	94	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	88	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
6	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	97-98	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	96	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HIẾU	T.UNG	87	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY CÔNG	T.UNG	95	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
11	KLY	T.UNG	592	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	99	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUỐC TIẾN	T.UNG	400	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THÀNH NAM	T.UNG	590	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG					62	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ HỮU THÁI	T.UNG	91-92	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM BA HOÀNG	T.UNG	89-90	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VĂN ĐỨC	T.UNG	87-88	2	14		76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	19	113	1.337	0	19		
TOTAL		19	19	113	1.337	0	19		
WEIGHT KG				113	1.337	0			

GRAND TOAL: 1.450 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
FLIGHT: 2	TO: RC4 - RP1	CREW: Nam - VLin - Năm	ETA: 09:10
CAM-1			

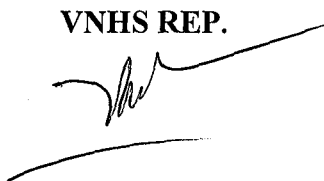
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	60	1	7	65	84	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI NGOC LONG	RC4	62	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NG. TRƯỜNG NHẬT MINH	RC4	61	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RC4	56	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ BA NẾP	RC4	57	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	58-59	2	8		57	PSV	Vietnamese
7	LÊ HUY TÂM	RP1	41	1	4	12	59	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐỒNG	RP1	46-47	2	15		85	YTE	Vietnamese
9	ZAKHARIN	RP1	45	1	8		110	KH-THAC	Russian
10	TRẦN TUẤN ANH	RP1	52	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RP1	55	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH MINH SANG	RP1	49	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HAI	RP1	53	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NANG	RP1	39	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG CÔNG THẠNH	RP1	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG VŨ NHẬT VINH	RP1	44	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRI KHANH	RP1	40	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ QUỐC HOÀN	RP1	54	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN THANH	RP1	48	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HẠ	RP1	50	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NG. VĂN BẢO TRUNG	RP1	43	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TRỌNG HIỆU	RP1	42	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	6	7	46	408	65	6		
2	RP1	16	17	93	1.216	12	16		
TOTAL		22	24	139	1.624	77	22		
WEIGHT KG				139	1.624	77			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.


VNHS REP.


CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: RP3 - RCDM	CREW: MTHẮNG - L Hải - ĐANG	ETA: 09:15
vamg-1			

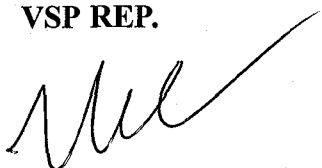
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	RP3	68	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ HỒ HAI	RP3	59	1	5	35	67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẦN ANH ĐÔNG	RP3	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN MINH	RP3	49	1	5		85	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUNG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG LÍNH	RP3	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HAI HÀ *TT	RP3	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO VIỆT HAI	RP3	63	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN SỸ ĐIỆP	RP3	55-56	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯ TRẦN HUNG	RP3	66-67	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	61-62	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	50	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUY HAI	RP3	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	57-58	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	52	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ QUANG TUYẾN	RCDM	02	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THUẬN	RCDM	01	1	5	60	65	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ TIẾN DŨNG	RCDM	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LẠ	RCDM					67	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ VĂN THÀNH	RCDM					65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

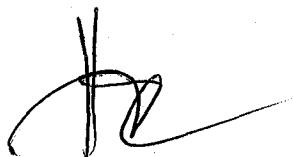
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	20	107	1.161	35	16		
2	RCDM	5	3	15	339	60	6		
TOTAL		22	23	122	1.500	95	22		
WEIGHT KG				122	1.500	95			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: BK9 - VSP02 - RC6	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH TÙNG	BK9	32	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ QUỐC HƯƠNG	BK9	34	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN QUYÊN	BK9	43	1	15	15	69	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN NAM	BK9	35	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÀO QUỐC OAI	BK9	33	1	12		84	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK9	38-39	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN PHÚC HIẾN	BK9	36-37	2	15		84	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	BK9	41-42	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN CHUNG	BK9	40	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
10	TRINH QUỐC PHONG	VSP02					56	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYỄN TRONG CUONG	VSP02	03	1	5		85	D-HANH	Vietnamese
12	TRẦN SƠN TÙNG	VSP02	05	1	6		69	D-HANH	Vietnamese
13	PHẠM THANH HÀ	VSP02	04	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HOÀN	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
15	DUƠNG MINH QUAN	VSP02	02	1	5	28	72	CO DIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY THÂN	VSP02	01	1	8		69	CO DIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG TIN	RC6	07-08	2	12		92	KH-THAC	Vietnamese
18	TU TUAN TU	RC6	22	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
19	DUƠNG NHẬT THANH	RC6	09	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU DỤC HÙNG	RC6	05-06	2	11	50	62	KH-THAC	Vietnamese
21	VU ANH MINH	RC6	02-03	2	15		76	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	04	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	9	12	121	635	15	0		
2	VSP02	7	5	33	488	28	0		
3	RC6	6	9	61	464	50	20		
TOTAL		22	26	215	1.587	93	20		
WEIGHT KG				215	1.587	93			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: RP2 - BK3 - TTC1	CREW: Nam - VLin - Năm	ETA: 11:20
CAM-2			

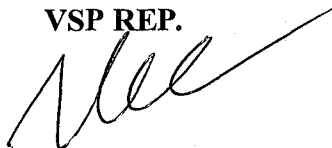
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	31	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DOÀN BÌNH	RP2	32	1	5		65	YTE	Vietnamese
6	BABKIN A.M	RP2	43	1	10		90	KH-THAC	Russian
7	LƯU VĂN KHUÔNG	RP2	41-42	2	10	52	65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH BAO CUÔNG	RP2	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ ĐẠI PHƯƠNG	RP2	36-37	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	25	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG ANH HÙNG	RP2	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	22-24	3	17		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN DUNG	RP2	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TÂN TÀI	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ LAM	RP2	19-20	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	29	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN SÁU	RP2	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC OANH	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CHI CÔNG	RP2	28	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	25	132	1.547	52	18		
2	BK3	0	0	0	0	12	2		
3	TTC1	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	25	132	1.547	104	22		
WEIGHT KG				132	1.547	104			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

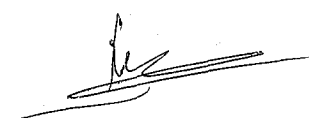
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: GTC1 - CTC1 - RP2	CREW: MTHẮNG - L Hải - ĐANG	ETA: 11:25
HONG-2			

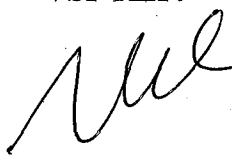
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KHAC SON	GTC1	93-94	2	15		56	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HUNG	GTC1	98-99	2	12	12	69	NIPI	Vietnamese
3	PHAM NGOC TU	GTC1	100	1	12	30	59	NIPI	Vietnamese
4	BUI DINH PHI	GTC1	95-97	3	15		64	NIPI	Vietnamese
5	KHALIMOV A.A	CTC1	09	1	15		92	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	08,10	2	11		85	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SY HIEU	CTC1	11	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAU HUY HOANG	CTC1	14	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH LUAN	CTC1				40	56	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG XUAN THANH	CTC1	02	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG MINH DUNG	CTC1	03-04	2	15		78	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	CTC1	13	1	15		72	DVL	Vietnamese
13	ĐAO ANH HUYNH	CTC1	06-07	2	15		71	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN HAI ĐANG	CTC1	05	1	12		85	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN HUU NHAN	CTC1	01	1	6		79	NIPI	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN QUYNH	CTC1	12	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	HOANG NGOC LAN	RP2	64	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	63	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG VINH	RP2	61	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HUU QUAN	RP2	62	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TRUNG KIEN	RP2					69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	4	8	54	248	42	1		
2	CTC1	12	14	120	894	40	12		
3	RP2	5	4	19	351	0	9		
TOTAL		21	26	193	1.493	82	22		
WEIGHT KG				193	1.493	82			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: MI	TO: CTK3 - PPD - P10	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:30
Nôm - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC TRUYỀN	CTK3	43	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN PHÚC	CTK3	44	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG QUANG TRUNG	CTK3	52	1	7		96	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KHẮC TUẤT	CTK3	45-46	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
5	LÀ TUẤN LINH	CTK3	47-48	2	15	40	70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SANG	CTK3	54-55	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN NGỌC TUẤN ANH	CTK3	50-51	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ANH CUÔNG	CTK3	53	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG THẮNG	PPD				40	75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG VINH	PPD	94	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P10	68	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CẨM	P10	61-62	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	P10	69	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ BÍCH ANH	P10	66-67	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HẢI HÙNG	P10	71	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG HÙNG	P10	70	1	14	18	55	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN ĐỊNH	P10	64-65	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI VĂN CHÍNH	P10	72	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐINH VĂN DƯƠNG	P10	63	1	16		62	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HIỆP	P10	73	1	7		85	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VŨ BA LINH	P10	60	1	4		65	PSV	Vietnamese
22	VŨ XUÂN TIỀN	P10	59	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	12	102	599	40	5		
2	PPD	2	1	8	170	40	2		
3	P10	12	15	156	829	18	15		
TOTAL		22	28	266	1.598	98	22		
WEIGHT KG				266	1.598	98			

GRAND TOAL: 1.962 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 8	TO: RP2 - RP3	CREW: Vận - N.Anh - Q.Trường	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRỌNG MẠNH	RP2	66	1	6	40	60	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	64	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	VÔ HOANG CẨM	RP2	83	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI QUANG THUẬN	RP2	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	65	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	68	1	10		101	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	RP2	63	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN BẠCH	RP2	67	1	6		66	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VĂN HỒI	RP3	76	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	79	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	73	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	85	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TÂN TRỌNG	RP3	74	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	77	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH QUANG THANH	RP3					74	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO ĐỨC THANH	RP3	75	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH TÂN NGON	RP3	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HIẾN	RP3	82	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
19	VÔ THANH LÂM	RP3	78	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG *TT	RP3	84	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	81	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ CHÍ KIẾN	RP3	83	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	8	8	58	572	40	3		
2	RP3	14	13	71	985	0	18		
TOTAL		22	21	129	1.557	40	21		
WEIGHT KG				129	1.557	40			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:02
FLIGHT: 9	TO: RC3 - RP1	CREW: Hạng - TRƯỞNG - N.Nam	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ LÊ TRUNG	RC3	84-85	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO KHANH NAM	RC3	83	1	5	80	74	KH-THAC	Vietnamese
4	KOSTIKIN	RC3	82	1	12		130	NIPI	Russian
5	LÊ ĐỨC HUY	RC3	45-46	2	12		65	T-TIN	Vietnamese
6	ĐẠO XUÂN THỌ	RC3	86	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
7	ĐÔNG VĂN CƯỜNG	RC3	47	1	10		56	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT BĂNG	RP1	69	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM BA TÀI	RP1	63	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
13	TÀNG THANH DÂN	RP1	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ NG. MINH KHÔI	RP1	71	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	66	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN XUÂN THANH	RP1	68	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NAM TRUNG	RP1	67	1	7	45	60	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐÌNH HOA	RP1	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN MANH	RP1	57-58	2	10	20	70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN THÚA THAI	RP1	65	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THỦ	RP1	64	1	5		60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	7	9	66	525	80	7		
2	RP1	14	14	78	962	65	15		
TOTAL		21	23	144	1.487	145	22		
WEIGHT KG				144	1.487	145			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:00
FLIGHT: 10	TO: RC5 - BK6 - TTC2	CREW: Vận - N.Anh - Q.Trường	ETA: 15:40
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HOP	RC5	32	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ VĂN ĐÔNG	RC5	36-37	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH VAN TIEN	RC5	38	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TOAN	RC5	35	1	10	25	56	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VAN LIEN	RC5	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THIÊN NAM	RC5	34	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HUY ĐÌNH	RC5	29-30	2	17		58	T-TIN	Vietnamese
8	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	28	1	5		77	PSV	Vietnamese
9	ĐINH VAN LUU	RC5	31	1	6		52	PSV	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	BK6	21	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
11	SU HUU QUYNH	BK6	20	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG THANH BÌNH	BK6	22-24	3	16		60	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN ĐÌNH	TTC2	58	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HAI	TTC2	59,62	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM DUY ĐEN	TTC2	55	1	10	14	63	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ QUANG HUNG	TTC2	53	1	17		73	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	TTC2	60-61	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN CUÔNG	TTC2	56-57	2	18		54	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG ANH THÂN	TTC2	52	1	4	18	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	9	11	74	599	25	9		
2	BK6	3	5	39	198	0	3		
3	TTC2	7	10	98	464	32	10		
TOTAL		19	26	211	1.261	57	22		
WEIGHT KG				211	1.261	57			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

